

PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG Ở LAI CHÂU HIỆN NAY

Nguyễn Văn Khương¹, Hoàng Thị Nhung¹

¹Trường Đại học Lâm nghiệp

TÓM TẮT

Phát triển Lâm nghiệp bền vững đang là sự lựa chọn phát triển đúng đắn nhất trong tổng thể chương trình tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp. Xét về bản chất đó chính là quá trình tối ưu hoá các giải pháp cho việc tập hợp và động viên sức mạnh của Nhà nước, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia vào lĩnh vực quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng, chế biến và thương mại hoá lâm sản, qua đó giải quyết công ăn việc làm, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo, cải thiện sinh kế cho người làm nghề rừng, gắn với xây dựng nông thôn mới và đảm bảo an ninh, quốc phòng. Thực hiện, đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Lai Châu đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, cơ cấu kinh tế Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản ở tỉnh đang có sự chuyển dịch đúng hướng, giảm tỷ trọng ngành Nông nghiệp, tăng tỷ trọng ngành Lâm nghiệp và Thủy sản. Cơ cấu ngành Lâm nghiệp nói chung, đang chuyển dịch từ khai thác, sử dụng rừng sang trồng, bảo vệ và phát triển rừng, giải quyết hài hòa giữa mục tiêu bảo vệ môi trường với mục tiêu phát triển kinh tế bền vững. Cơ cấu giá trị sản xuất của Lâm nghiệp được tính thông qua 4 nội dung là: Bảo vệ tài nguyên rừng, trồng và chăm sóc rừng; sản xuất chế biến gỗ; phát triển dịch vụ Lâm nghiệp.

Từ khóa: Nâng cao giá trị lâm sản, phát triển bền vững, phát triển cây công nghiệp, phân loại rừng và chủ rừng.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phát triển bền vững là thuật ngữ khoa học xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1980 trong ấn phẩm *Chiến lược bảo tồn Thế giới* (công bố bởi Hiệp hội Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên Thiên nhiên Quốc tế IUCN với ý nghĩa là: Sự phát triển của nhân loại không thể chỉ chú trọng tới phát triển kinh tế mà còn phải tôn trọng những nhu cầu tất yếu của xã hội và sự tác động đến môi trường sinh thái học. Kể từ đó đến nay khái niệm này được phổ biến rộng rãi. Cõi phát triển bền vững là: sự phát triển có thể đáp ứng được những nhu cầu phát triển của hiện tại mà không ảnh hưởng, làm tổn hại đến những khả năng đáp ứng nhu cầu phát triển của các thế hệ tương lai, sự phát triển ngày hôm nay không chận dứt sự phát triển tiếp theo mà còn tạo điều kiện, tiền đề cho sự phát triển trong tương lai. Cốt lõi của phát triển bền vững là phải bảo đảm tăng trưởng kinh tế hiệu quả, xã hội công bằng và môi trường được bảo vệ, an ninh an toàn xã hội được củng cố.

Lâm nghiệp là một ngành kinh tế kỹ thuật đặc thù bao gồm tất cả các hoạt động gắn liền với sản xuất hàng hóa và dịch vụ từ rừng như hoạt động bảo vệ, gây trồng, khai thác, vận chuyển, sản xuất, chế biến lâm sản và các dịch

vụ môi trường có liên quan đến rừng. Cùng những giá trị kinh tế lớn lao mà nó mang lại thì Lâm nghiệp ngày càng cho thấy vị trí, vai trò vô cùng quan trọng của nó trong việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững của nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Giá trị cốt lõi của Lâm nghiệp là tạo ra một loại tài nguyên thiên nhiên có thể tái tạo được, có giá trị phòng hộ đầu nguồn, phòng hộ ven biển, giúp điều hòa khí hậu, điều tiết nguồn nước, hạn chế xói mòn, rửa trôi, sạt lở, hạn chế thiên tai lũ lụt, hạn hán, chống thoái hóa đất và hoang mạc hóa, góp phần bảo tồn đa dạng sinh học, cung cấp nguồn nhiên liệu sinh học thay thế nhiên liệu hóa thạch và ứng phó tích cực hiệu quả với biến đổi khí hậu toàn cầu.

Lai Châu là tỉnh biên giới phía Tây Bắc của Tổ quốc, cách Thủ đô Hà Nội khoảng 450 km về phía Đông Nam, phía Bắc và Tây Bắc giáp tỉnh Vân Nam của Trung Quốc, phía Tây giáp tỉnh Điện Biên, phía Đông và phía Đông Nam tiếp giáp với hai tỉnh Lào Cai và Yên Bái, phía Nam tiếp giáp với tỉnh Sơn La. Địa hình được tạo bởi những dãy núi chạy dài theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, có nhiều đỉnh núi cao như đỉnh Pu Sa Leng cao 3.096 m. Núi đồi cao và dốc, xen kẽ nhiều thung lũng sâu và hẹp. Có

265,095 km đường biên giới giáp với Trung Quốc, là tỉnh có vị trí quan trọng về địa lý và an ninh quốc phòng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Là một tỉnh miền núi, nằm ở vị trí đầu nguồn của sông Đà, với diện tích tự nhiên 906.878,7 ha, diện tích quy hoạch Lâm nghiệp là 752.172 ha, trong đó rừng đặc dụng 41.275 ha, rừng phòng hộ 417.180 ha và rừng sản xuất 293.717 ha, rừng Lai Châu có nhiều loại gỗ quý, có giá trị kinh tế cao, các vạt rừng nguyên sinh còn tồn tại ở những vùng núi cao, xa và địa hình hiểm trở. Đó là những điều kiện rất thuận lợi để Lai Châu đẩy mạnh phát triển ngành kinh tế Lâm nghiệp theo hướng bền vững. Những năm qua, được sự quan tâm của Chính phủ và các tổ chức quốc tế, dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Lai Châu, bằng nhiều giải pháp và hướng đi phù hợp. Kinh tế Lâm nghiệp ở Lai Châu đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng ngày càng khẳng định được vai trò và giá trị to lớn đóng góp vào tổng thể phát triển kinh tế - xã hội địa phương, xóa đói giảm nghèo, làm giàu, bảo vệ môi trường sinh thái và ổn định an ninh biên giới quốc gia. Với ý nghĩa đó, có thể khẳng định việc xác định phát triển Lâm nghiệp theo hướng bền vững là hướng đi đúng đắn của Lai Châu trong giai đoạn hiện nay.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu quá trình phát triển Lâm nghiệp theo hướng bền vững ở Lai Châu trong giai đoạn hiện nay.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu nhóm tác giả sử dụng chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử làm phương pháp luận chung, cùng với đó là các phương pháp cụ thể như: Thống kê, so sánh, phân tích, tổng hợp.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Lai Châu, nhân dân trong tỉnh đã đoàn kết đẩy mạnh thực

hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 – 2020 theo Quyết định số 886 ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ, hướng tới mục tiêu nâng cao năng suất, chất lượng rừng, góp phần giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng gắn với nhiệm vụ bảo vệ rừng, trồng mới rừng và đã đạt được nhiều kết quả quan trọng.

3.1. Quy hoạch, thống kê phân loại rừng và chủ rừng phục vụ công tác quản lý phát triển kinh tế Lâm nghiệp bền vững

Ngày 20/8/2012, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu đã ban hành Quyết định số 17/2012/QĐ – UBND phê duyệt quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Lai Châu, giai đoạn 2011 - 2020. Cho đến nay Lai Châu đã cơ bản thực hiện xong việc thống kê phân loại rừng và chủ rừng phục vụ cho kế hoạch phát triển kinh tế rừng bền vững. Tổng diện tích quy hoạch Lâm nghiệp là 752.172 ha, trong đó rừng đặc dụng 41.275 ha, rừng phòng hộ 417.180 ha và rừng sản xuất 293.717 ha. Phần đầu nâng độ che phủ rừng trên 50,0% vào năm 2020, đẩy mạnh xây dựng vốn rừng, cơ bản hoàn thành giao đất giao rừng, xây dựng cơ sở hạ tầng lâm sinh. Từ năm 2016, Lai Châu đã tiếp tục xây dựng vốn rừng và từng bước chuyển sang giai đoạn kinh doanh rừng. Tăng giá trị sản xuất của ngành lâm nghiệp bình quân 7 - 9%/năm. Kim ngạch xuất khẩu lâm sản đạt 0,5 - 1 triệu USD/năm, giảm dần tình trạng phá rừng làm nương rẫy trái phép; cải thiện đời sống của người làm nghề rừng, tạo công ăn việc làm cho khoảng 50.000 lao động; nâng cao mức sống cho người dân; từng bước tạo cho người làm nghề rừng có thể sống và gắn bó với rừng. Cùng với các chương trình, dự án khác góp phần ổn định dân cư, nâng cao đời sống nhân dân, thông qua đó giữ vững trật tự, an toàn xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là khu vực biên giới.

Bảng 1. Diện tích và độ che phủ rừng các tỉnh Tây Bắc
(tính đến ngày 31/12/2018)

Vùng	Tỉnh	Rừng tự nhiên (ha)	Diện tích có rừng (ha)	Rừng trồng (ha)	Tỷ lệ che phủ (%)
	Tổng	1.530.833	1.704.168	173.335	44,57
Tây Bắc	Lai Châu	427.222	445.275	18.053	49,29
	Điện Biên	374.003	381.593	7.589	39,75
	Sơn La	587.707	619.830	32.123	43,51
	Hòa Bình	141.901	257.471	115.570	51,50

Nguồn: Bộ NN&PTNT (2019), Quyết định số 911/QĐ-BNN-TCLN ngày 19/3/2019 về công bố hiện trạng rừng năm 2018, Hà Nội.

3.2. Công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng

Thực hiện Chỉ thị số 1685/CT - TTg ngày 27/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc “tăng cường các biện pháp bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng và chống người thi hành công vụ”, tỉnh Lai Châu đã chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, tuyên truyền Nghị định 139/CP, Nghị định 157/CP của Chính phủ về xử lý các hành vi vi phạm và các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, của ngành bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với từng vùng, từng đối tượng. Đặc biệt là tuyên truyền cho người dân sống gần rừng. Tỉnh đã triển khai Chương trình thí điểm khoanh nuôi tái sinh, bảo vệ rừng phòng hộ rất xung yếu tại 21 xã biên giới của tỉnh Lai Châu. Rừng ở các xã biên giới đã và đang được bảo vệ tốt. Hơn 11.000 hộ gia đình thông qua việc nhận khoán khoanh nuôi tái sinh, bảo vệ rừng có thêm thu nhập ổn định từ dự án với 1,8 triệu đồng/hộ/năm.

Để khắc phục tình trạng phá rừng, đốt nương làm rẫy và sự thay đổi bất thường của thời tiết do biến đổi khí hậu, từ năm 2012, tỉnh Lai Châu đã triển khai chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng. Mặc dù không phải là tỉnh được chọn làm điểm về chi trả dịch vụ môi trường rừng (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chọn Sơn La, Lâm Đồng, Đắk Lắk), nhưng sau khi Lai Châu thực hiện chương trình thì lại trở thành tỉnh giải quyết vấn đề này rất tốt. Việc triển khai chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng không chỉ làm thay đổi nhận

thức của người dân về rừng và tầm quan trọng, ý nghĩa của công tác bảo vệ, phát triển rừng mà còn nâng cao khả năng phòng hộ, điều hòa khí hậu của rừng, giữ và cung cấp nước cho các nhà máy thủy điện cũng như sinh hoạt, sản xuất của nhân dân.

Tỉnh Lai Châu đã thành lập khoảng 990 Tổ chuyên trách bảo vệ và phát triển rừng tại hầu hết các thôn, bản, nên đã phát huy được tinh thần tự chủ động trong công tác tuần tra, kiểm soát và bảo vệ rừng. Hàng năm ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đều phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã thông qua lực lượng kiểm lâm xây dựng kế hoạch bảo vệ diện tích rừng phòng hộ và rừng đặc dụng. Cùng với đó, các cơ quan chức năng và chính quyền các địa phương luôn làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục sâu rộng các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ rừng đến người dân. Chi cục Kiểm lâm Lai Châu dưới sự chỉ đạo của ủy ban nhân dân tỉnh đã kịp thời tuyên truyền, đưa chính sách đến từng thôn bản, vận động người dân tham gia bảo vệ và phát triển rừng. Phát huy vai trò nòng cốt, lực lượng kiểm lâm đã đến từng hộ dân được hưởng chính sách trên địa bàn tỉnh để tuyên truyền, vận động bà con tham gia bảo vệ và phát triển rừng; trực tiếp hướng dẫn bà con sản xuất lâm nghiệp. Nguồn vốn hỗ trợ được quy định tại Nghị định 75 NĐ/CP của Chính phủ (về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 – 2020) được chi trả thông qua

lực lượng kiểm lâm nên công tác lập hồ sơ và ký kết hợp đồng của người dân đều được thực hiện dưới sự hướng dẫn của lực lượng kiểm lâm, góp phần nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ rừng trên địa bàn toàn tỉnh. Điểm nổi bật trong công tác quản lý, bảo vệ rừng ở Lai Châu là hàng năm Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã thông qua lực lượng kiểm lâm xây dựng kế hoạch bảo vệ diện tích rừng phòng hộ và rừng đặc dụng. Đồng thời, công tác phối hợp giữa các lực lượng kiểm lâm, công an, quân đội và chính quyền địa phương được duy trì thường xuyên. Đề bảo vệ tốt “vốn” rừng hiện có và thực hiện công tác phát triển rừng ngay tại cơ sở, lực lượng kiểm lâm bố trí cán bộ phụ trách địa bàn ở tất cả các xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh để kịp thời tham mưu giúp cấp ủy, chính quyền cơ sở thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng, quản lý lâm sản và phòng cháy, chữa cháy tại chỗ. Công tác tuần tra, rà soát và xử lý các vụ khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép xảy ra trên địa bàn được thực hiện kịp thời, từ đó chính quyền địa phương có thể chủ động xây dựng kế hoạch, biện pháp ngăn chặn và xử lý theo quy định. Tình trạng khai thác, buôn bán, vận chuyển, chế biến, tàng trữ lâm sản đã được

kiểm soát, hạn chế tối đa tình trạng khiếu kiện, tạo điểm nóng về phá rừng.

Do công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng được triển khai tích cực, đã tạo nên những kết quả quan trọng trong phát triển ngành Lâm nghiệp của Lai Châu. Tỷ lệ che phủ rừng hàng năm đều vượt kế hoạch đề ra, chất lượng rừng ngày càng được nâng cao, ý thức của người dân trong công tác bảo vệ và phát triển rừng được nâng lên rõ rệt. Tình trạng cháy rừng, vi phạm quy định về bảo vệ rừng có xu hướng giảm xuống. Tính đến hết năm 2018, tỷ lệ che phủ rừng đạt 49,29%, diện tích rừng toàn tỉnh là 456.962 ha, tăng tương ứng 14,29% và 138.496 ha so với năm 2004.

3.3. Công tác trồng rừng và phát triển cây công nghiệp

Bên cạnh công tác bảo vệ, phát triển rừng. Yếu tố góp phần thúc đẩy kinh tế Lâm nghiệp tại tỉnh Lai Châu phát triển chính là việc xác định trồng, sản xuất và thương mại hoá một số loại cây Lâm nghiệp phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng có giá trị kinh tế cao như: Cây quế diện tích đạt 5.558 ha; cây Sơn tra diện tích đạt 1.923 ha; cây mắc ca diện tích 1.812 ha là cây trồng mới có tiềm năng phát triển tại tỉnh (Tỉnh ủy Lai Châu, 2019). Công tác trồng rừng và phát triển cây Lâm nghiệp được thể hiện ở bảng 2.

Bảng 2. Sản lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ phân theo loại lâm sản ở tỉnh Lai Châu (2011 - 2017)

Chủng loại gỗ	Đơn vị tính	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Gỗ	m³	7.860	9.571	8.676	8.450	8.020	7.905,0	8.010,0
Chia ra								
Gỗ rừng tự nhiên	m ³	7.568	9.261	8.326	8.050	7.670	7.525,0	7.610,0
Gỗ rừng trồng	m ³	292	310	350	400	350	380,0	400,0
Trong tổng số:								
Gỗ nguyên liệu giấy	m ³	-	-	-	-	-	-	-
Củi	Ste	826.061	738.060	623.776	526.077	508.270	489.020,0	505.619,0
Luồng, vầu	1000 cây	133	137	141	123	119	124,8	125,6
Tre	1000 cây	125	175	180	87	90	102,8	105,1
Trúc	1000 cây	-	-	-	-	-	-	-

Chủng loại gỗ	Đơn vị tính	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Giang	1000 cây	8	9	12	25	18	19,8	20,7
Nứa hàng	1000 cây	402	412	410	156	152	167,2	168,9
Song mây	Tấn	23	23	23	23	17	18,1	19,6
Nhựa thông	Tấn	-	-	-	-	-	-	-
Quế	Tấn	-	-	-	-	-	-	-
Thảo quả	Tấn	1.096	1.224	1.250	1.648	1.594	1.650,0	1.603,0
Nhựa trám	Tấn	-	-	-	-	-	-	-
Lá cọ	1000 lá						-	-
Lá dứa nước	1000 lá	-	-	-	-	-	-	-
Nguyên liệu giấy ngoài gỗ	Tấn	-	-	-	-	-	-	-
Lá dong	1000 lá	500	1.043	1.142	1.058	1.179,3	1.179,3	1.206,3
Lá nón	1000 lá	-	-	-	-	-	-	-
Cánh kiến	Tấn	1	1	0,6	-	-	-	-
Măng tươi	Tấn	335	206	210	222	204	238,5	240,6
Mộc nhĩ	Tấn	-	-	0,38	19	16	15,6	16,3

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Lai Châu năm 2017.

Đề nâng cao giá trị của rừng, tăng thu nhập, xóa nghèo và góp phần xây dựng nông thôn mới, trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Kiểm lâm tỉnh đã phối hợp các ngành, địa phương từng bước chuyển đổi cơ cấu sản phẩm gỗ rừng trồng từ khai thác gỗ non phục vụ chế biến dăm xuất khẩu sang kinh doanh gỗ lớn phục vụ chế biến tinh, sâu, đáp ứng bối cảnh hội nhập quốc tế. Đồng thời, cần đẩy mạnh tổ chức sản xuất dưới nhiều hình thức theo hướng mở rộng, hợp tác, liên doanh, liên kết giữa các hộ gia đình, cá nhân và doanh nghiệp nhằm nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm hàng hóa sử dụng gỗ rừng trồng, góp phần tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo, cải thiện sinh kế cho người dân sống bằng nghề rừng. Hơn nữa, phát triển rừng gỗ lớn không chỉ mang lại mục tiêu lợi ích về kinh tế cao mà còn tăng tính phòng hộ của rừng, như: giảm xói mòn, chống sạt lở, rửa trôi đất... góp phần bảo vệ môi trường sinh

thái và chống biến đổi khí hậu; đáp ứng yêu cầu phát triển lâm nghiệp trong tình hình mới. Bên cạnh đó, các địa phương, đơn vị trong tỉnh cũng luôn chú ý đẩy mạnh chuyển hóa rừng trồng cây mọc nhanh cung cấp nguyên liệu gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn; áp dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh để nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng.

Đặc biệt, việc trồng cây cao su đang được tỉnh tiếp tục quan tâm đầu tư, phát triển đã và đang trở thành hướng đi đột phá trong phát triển Nông - Lâm nghiệp của Lai Châu. Diện tích cao su đến năm 2018 đạt 13.015 ha, đã tiến hành khai thác mù diện tích 3.446 ha, sản lượng ước đạt 2.757 tấn mù khô (Tỉnh ủy Lai Châu, 2019). Dự tính đến năm 2020 có khoảng 12.000 ha cao su được khai thác mù, sản lượng khai thác đạt trên 12.000 tấn và năm 2022 có trên 20.000 ha cao su được khai thác mù, sản lượng khai thác đạt 20.000 tấn. Phát triển cây cao su đã tạo việc làm, thu nhập ổn định cho

trên 10.000 lao động trong tỉnh, trực tiếp trồng, chăm sóc và chế biến cao su và các hoạt động dịch vụ phục vụ phát triển cao su. Tỉnh đã thu hút được 3 Công ty Cổ phần Cao su thuộc Tập đoàn Cao su Việt Nam vào đầu tư với tổng diện tích cây cao su trên địa bàn tỉnh đạt trên 13.000 ha. Nhờ phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng nên cao su sinh trưởng và phát triển tốt. Cây cao su đang được đánh giá là cây công nghiệp mũi nhọn và có nhiều triển vọng để phát triển thành vùng sản xuất hàng hóa trong những năm tới của tỉnh. Việc đưa vào trồng cây cao su không chỉ tận dụng được những diện tích đất trống, đồi núi hoang hóa mà còn tạo công ăn việc làm, thay đổi tập quán canh tác, nhận thức, nâng cao trình độ dân trí cho Nhân dân các dân tộc trong vùng dự án.

3.4. Đẩy mạnh chế biến và thương mại hoá nâng cao giá trị Lâm sản

Đẩy mạnh chế biến và thương mại hoá sản phẩm gỗ và lâm sản chính là giải pháp then chốt nhất để nâng cao giá trị, hiệu quả sản xuất lâm nghiệp trong bối cảnh Việt Nam đã và đang ngày càng hội nhập sâu và rộng cùng thế giới. Việc tham gia các hiệp định thương mại thế hệ mới như Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và ký kết Hiệp định đối tác tự nguyện về tăng cường thực thi lâm luật, quản trị rừng và thương mại lâm sản (VPA/FLEGT) đã mang lại nhiều cơ hội cho xuất khẩu gỗ của Việt Nam. Là một tỉnh có trữ lượng gỗ rừng sản xuất lớn khoảng 293.717 ha, Lai Châu đã có nhiều chính sách thu hút các nhà đầu tư xây dựng nhà máy chế biến gỗ và sản phẩm lâm sản trên địa bàn tỉnh cùng với đó là các chính sách tín dụng hỗ trợ phát triển ngành lâm nghiệp và công nghiệp chế biến gỗ thông qua ưu đãi về đầu tư hạ tầng lâm sinh, vốn tín dụng... Những năm qua Lai Châu đang có nhiều chính sách mở để đón các doanh nghiệp, các nhà đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại địa bàn. Với những chính sách thu hút, ưu đãi hợp lý, đến nay Lai Châu đã thu hút được nhiều doanh nghiệp, các nhà đầu tư vào tham

gia trồng và phát triển rừng kinh tế, rừng nguyên liệu phục vụ cho phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ. Tính đến 2018, toàn tỉnh có khoảng trên 100 cơ sở sản xuất, chế biến gỗ (gồm có 6 doanh nghiệp, 2 hợp tác xã và 80 hộ cá thể). Các cơ sở sản xuất, chế biến, hàng năm sản xuất trên 8.500 m³ gỗ gồm các sản phẩm mộc dân dụng và gỗ cấp pha phục vụ thi công các công trình xây dựng. Đối với công nghiệp chế biến chè, trên địa bàn tỉnh có 8 doanh nghiệp, 3 hợp tác xã với tổng công suất chế biến 225 tấn/ngày và trên 100 hộ cá thể sản xuất chế biến chè, bao tiêu sản phẩm chè búp tươi cho vùng nguyên liệu hơn 3.500 ha tại địa bàn các huyện: Tam Đường, Than Uyên, Tân Uyên và thành phố Lai Châu. Sản lượng chè khô chế biến hàng năm đạt trên 4.100 tấn, đáp ứng được yêu cầu của nhiều thị trường khó tính. Các sản phẩm như chè Ôlong, chè Sencha, Matcha, Shan Tuyết đã xuất khẩu sang thị trường các nước: Nhật Bản, Đài Loan và một số nước Trung Đông (Tỉnh ủy Lai Châu, 2019). Hàng năm trong chương trình và kế hoạch công tác, lãnh đạo tỉnh, các sở ban ngành cùng các doanh nghiệp luôn chủ động đẩy mạnh công tác phát triển thị trường, xây dựng và quảng bá thương hiệu sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ của tỉnh; xây dựng hệ thống thông tin thị trường và tiêu chuẩn sản phẩm, thúc đẩy thương mại điện tử cho các sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ; phối hợp, triển khai và thực hiện tốt các hiệp định mà Việt Nam đã ký kết, chú trọng hơn thị trường trong nước; tập trung ưu tiên nguồn lực cho các chương trình xúc tiến thương mại trong và ngoài nước, đầu tư các trung tâm triển lãm quy mô lớn tương xứng với tiềm năng phát triển ngành chế biến gỗ.

3.5. Một số vấn đề đặt ra nhằm tiếp tục phát triển kinh tế lâm nghiệp của Lai Châu trong thời gian tới

Thứ nhất, tiếp tục tổ chức quán triệt sâu sắc về vai trò, tác dụng của bảo vệ và phát triển rừng tới toàn thể cấp uỷ, chính quyền cơ sở, cán bộ, đảng viên, nhân dân các dân tộc trên toàn tỉnh, tạo sự đồng thuận và thống nhất cao. Nội dung bảo vệ và phát triển rừng phải được

đưa vào Nghị quyết của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, kịp thời cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch đảm bảo thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

Thứ hai, quan tâm hơn nữa đến lợi ích kinh tế của người dân sống ở vùng có rừng. Lồng ghép các chương trình, dự án, tạo mọi điều kiện thuận lợi để người dân có công ăn việc làm và thu nhập ổn định để nâng cao cuộc sống. Lựa chọn phương thức khoán bảo vệ rừng cho phù hợp, quan tâm đến khoán cho nhóm hộ và cộng đồng thôn bản. Nguồn thu nhập từ khoán bảo vệ rừng đầu tư cho phát triển sản xuất mới bền vững và ổn định lâu dài. Tổ chức quản lý bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, đẩy mạnh khoanh nuôi xúc tiến tái sinh phục hồi rừng và trồng rừng mới. Ngăn chặn triệt để việc đốt phá rừng, khai thác lâm sản trái phép, hướng dẫn nhân dân các thôn, bản tích cực thực hiện quy ước bảo vệ rừng, góp phần nâng cao đời sống nhân dân.

Thứ ba, các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương cần làm tốt hơn nữa công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục sâu rộng các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ rừng đến người dân. Thực hiện xã hội hóa công tác bảo vệ và phát triển rừng, đảm bảo quyền hưởng lợi của chủ rừng. Phải xây dựng được quy chế phối hợp một cách chặt chẽ và cụ thể giữa chủ rừng, chính quyền địa phương, lực lượng vũ trang, xác định rõ vai trò trách nhiệm của từng đơn vị và tạo ra phong trào bảo vệ, phát triển rừng một cách có hiệu quả.

Thứ tư, tổ chức chỉ đạo phải đủ mạnh từ tỉnh xuống các Ban Quản lý rừng phòng hộ, có sự phối hợp chặt chẽ với cơ sở, củng cố và hoàn thiện tổ chức. Cần tăng cường hơn về đào tạo, bổ sung nguồn nhân lực có trình độ cao; tuyển chọn và thường xuyên bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý giúp nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu công việc; có chính sách thu hút các cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý giỏi để bổ sung cho các cơ quan trong ngành lâm nghiệp của tỉnh.

Thứ năm, khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực lâm nghiệp; chú trọng nâng cao hiệu quả xây dựng và phát triển vốn rừng tạo niềm tin cho các nhà đầu tư nước ngoài. Từ đó, tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế như: WB, ADB, KFW, JICA, thông qua Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thu hút nguồn vốn ODA của các nước, tổ chức phi Chính phủ đầu tư cho bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh. Hợp tác với các tỉnh của Trung Quốc, Lào có cửa khẩu và đường biên giới chung với tỉnh Lai Châu trong công tác bảo vệ và phát triển rừng.

4. KẾT LUẬN

Phát triển Lâm nghiệp bền vững là sự lựa chọn đúng đắn hiện nay và hoàn toàn phù hợp với xu thế tất yếu của thời đại. Để thực hiện tốt và hiệu quả mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững, Lai Châu đã quyết tâm biến chủ trương thành hành động thông qua những nghị quyết, quyết định cụ thể. Những kết quả đạt được trong phát triển kinh tế Lâm nghiệp của Lai Châu thời gian qua đã khẳng định sự đúng đắn trong chủ trương, chính sách phát triển kinh tế Lâm nghiệp của Đảng và Nhà nước, sự vận dụng sáng tạo của Đảng bộ tỉnh Lai Châu trong phát triển kinh tế Lâm nghiệp bền vững của địa phương. Giá trị và hiệu quả kinh tế – xã hội mà chính sách đó mang lại là hết sức rõ ràng. Diện tích che phủ rừng trên địa bàn tỉnh ngày càng được nâng lên, tình trạng phá rừng làm nương rẫy trái phép đã giảm hẳn; tạo công ăn việc làm cho khoảng 50.000 lao động; nâng cao mức sống cho người dân; từng bước tạo cho người làm nghề rừng có thể sống và gắn bó với rừng, thông qua đó giữ vững trật tự, an toàn xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là khu vực biên giới. Điều đó cũng thể hiện sự đoàn kết, thống nhất, của ý đảng lòng dân, sự quyết tâm của Đảng bộ và nhân dân Lai Châu, khắc phục những khó khăn ban đầu để thoát nghèo và vươn lên làm giàu chính đáng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng bộ tỉnh Lai Châu (2007), *Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 16/7/2007 về phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2007-2015*, Lai Châu.

2. Đảng bộ tỉnh Lai Châu (2016), *Nghị quyết số 03-NQ/TU về phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020*, Lai Châu.

3. Đảng bộ tỉnh Lai Châu (2017), *Kết luận số 01-KL/TU về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 16/7/2007 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XI)*, Lai Châu.

4. Tỉnh ủy Lai Châu (2019), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Đảng bộ tỉnh Lai Châu 70 năm xây dựng, trưởng thành – Những vấn đề thực tiễn và lý luận”*, Lai Châu.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu (2012), *Quyết định Phê duyệt quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Lai Châu, giai đoạn 2011 – 2020*, Lai Châu.

TODAY SUSTAINABLE FORESTRY DEVELOPMENT IN LAI CHAU

Nguyen Van Khuong¹, Hoang Thi Nhung¹

¹*Vietnam National University of Forestry*

SUMMARY

Sustainable forestry development is the best development option of the overall forestry sector restructuring program. In essence, it is the process of optimizing solutions for gathering and mobilizing the strength of the State, domestic and foreign organizations and individuals to participate in managing, protecting, developing and using forests, processing and trading forest products, creating jobs, increasing incomes, reducing poverty, improving livelihoods for people working in forestry, associating with building new rural areas and ensuring national security and defense. Implementing the project on restructuring agricultural sector in Lai Chau province to 2020 and vision to 2030, the agricultural, forestry and fishery economic structure in the province is moving in the right direction by reducing the proportion of agriculture and increasing the proportion of forestry and fisheries. The structure of the forestry sector, in general, is shifting from exploiting and using forests to planting, protecting and developing forests, harmoniously resolving environmental protection objectives and sustainable economic development goals. The structure of forestry's production value in a sustainable manner is calculated through four contents: protecting forest resources, planting and tending forests; producing and processing wood and other forest products; develop forestry services.

Keywords: Developing industrial trees, forest classification and forest owner, improve the value of forest products, sustainable development.

Ngày nhận bài : 09/9/2019

Ngày phản biện : 10/10/2019

Ngày quyết định đăng : 18/10/2019